TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-ST
Ngày 03-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thuý Lan

2. Bà Hoàng Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2023/TLST-DS ngày 03/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1); địa chỉ: Tầng A và tầng B, tòa nhà S - 111 A, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ChịĐậu Thị Thủy T; địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, số B U, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 25/7/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N; sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: 50 đường D, Khu nhà ởcông nhân T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Châu Nguyễn Hồng D; sinh năm 1973; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Cao Tuấn M; địa chỉ: F T, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Trà M1; địa chỉ: Căn hộ H Cao Ốc B, tổ dân phố E, khu phố D, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lý Minh H, sinh năm 1998; địa chỉ: B P, phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 05/4/ 2023). Có mặt.

+ Bà Cao Ngọc Minh C; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Cao Ngọc Minh K; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Cao Ngọc Minh T1; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Cao Ngọc Trâm A; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn C1; địa chỉ: 7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ BàNguyễn Thùy N1; địa chỉ:7 P, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q (V1) đã ký với ông Nguyễn Trọng N các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8997888.20 ngày 24/12/2020 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Trọng N vay số tiền 3.900.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Nhận chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ769/22/16 đường P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn vay: 360 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay đến ngày 25/12/2050, Phương thức giải ngân: chuyển khoản vào tài khoản của người thụ hưởng và phong tỏa lại với thông tin chuyển khoản như sau: Tên chủ tài khoản: Nguyễn Thị Trà M1, Số tài khoản: 004148699, mở tại ngân hàng: VIB – Phòng G. Ngày 25/12/2020, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Trọng N theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 9121517.20 với số tiền 3.900.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 9790884.21 ngày 24/12/2020 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Trọng N vay số tiền 600.000.000 đồng , mục đích vay vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình cho căn nhà tại địa chỉE đường D, Khu

nhà ởcông nhân T, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay đến ngày 14/01/2029; Phương thức giải ngân: Tiền mặt. Ngày 14/01/2021, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Trọng N theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 4710624.21 với số tiền 600.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 5684105.21 ngày 24/12/2020 với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Trọng N vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình cho căn nhà tại địa chỉ7 P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên của khoản 14/01/2029; Phương thức giải ngân: Tiền mặt. Ngày 14/01/2021, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Trọng N theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 6193152.21 với số tiền 500.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Các hợp đồng tín dụng trên có tài sản bảo đảm là nhà và đất tại số G P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 3773555.21.619 ngày 13/01/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Trọng N đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, V1 đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/02/2021. Hiện nay, V1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 7.114.855.462 đồng, bao gồm: nợ gốc 4.936.073.314 đồng; lãi tromg hạn 240,361,556; lãi quá hạn 1.938.420.592 đồng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Trọng N không tự nguyện thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q (V1) được quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại địa chỉ769/22/16 P, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9977/2000 do UBND Thành phố H cấp ngày 07/9/2000, cập nhận biến động thay đổi chủ sở hữu cho ông Nguyễn Trọng N ngày 08/01/2021.

Đối với khoản vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 3469288.19 ngày 19/7/2019 ông N đã thanh toán xong nên VIB không yêu cầu đối với khoản vay này.

** Tại bản tự khai ngày 16/02/2022, bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày:*

Do quen biết thân thiết với ông Cao Tuấn M nên ông M có nhờ ông đứng ra mua lại căn nhà 769/22/16 Phạm Thế H1, phường D, Quận H, Thành phố HồChí Minh. Căn nhà này trước đây ông M đã cầm cho ông Nguyễn Văn H2 nhưng không có tiền chuộc lại nên ông H2 đã sang tên cho ông Đàng Nhuận V và ông V đã sang tên cho Nguyễn Thị Trà M1. Sau đó, ông thỏa thuận với Trà M1 nhận chuyển nhượng lại và thế chấp vay tiền ngân hàng để trả tiền cho Trà M1. Ông đã thế chấp căn nhà này cho V1 để vay số tiền 6.000.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vì nhiều lý do ông không bán được nhà nên chưa trả được nợ cho V1. Hiện nay, đối với yêu cầu khởi kiện của V1 ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Tuấn M trình bày:*

Căn nhà 769/22/16 Phạm Thế H1, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây vào năm 2020 ông có nhờ ông N đứng ra mua lại vì ông đã thế chấp cho ông Nguyễn Văn H2 nhưng không có tiền chuộc. Ông H2 sang tên lại cho ông Đàng Nhuận V; ông Vủy quyền cho bà Thiều Thị T2 rồi bà T2 ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng cho Nguyễn Thị Trà M1. Ông N đứng ra nhận chuyển nhượng lại từT và thế chấp cho V1 để lấy tiền trả cho Trà M1. Ông N không thực hiện được việc trả nợ cho V1 là vì nhiều lý do, trong đó có việc vợ ông là bà Châu Nguyễn Hồng D không đồng ý giao nhà để bán trả nợ cho V1. Hiện nay, đối với yêu cầu khởi kiện của V1 ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 03/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M1ủy quyền cho ông Lý Minh H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Trà M1 nhận chuyển nhượng hợp pháp căn nhà 769/22/16 Phạm Thế H1, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trọng N, ông N đã được cập nhật biến động sang tên ngày 08/01/2021. Việc chuyển nhượng giữa bà với ông N đã thực hiện xong, hai bên không có tranh chấp nên bà không có ý kiến gì.

* Tại bản tự khai ngày 05/7/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liền quan bà Châu Nguyễn Hồng D, bà Cao Ngọc Minh C, bà Cao Ngọc Minh K, bà Cao Ngọc Minh T1, bà Cao Ngọc Trâm A trình bày:

Chúng tôi (C, K, T1, A) là con của ông Cao Tuấn M. Còn bà D trước đây là vợ của ông M nhưng đã ly hôn vào năm 2019. Khi ly hôn bà D và ông M chưa chia tài sản mà hai bên tự thoả thuận. Theo đó, ông M có nói miệng là tài sản giao hết cho bà D, trong đó có căn nhà toạ lạc tại số G đường P, phường D,

Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, cả 5 mẹ con chúng tôi đang ở tại căn nhà này cùng với ông Nguyễn Tấn C1 (cậu ruột ông M) và bà Nguyễn Thùy N1 (con ông C1).

Trước đây, vào khoảng năm 2011 vợ chồng bà D có vay tiền của ông Nguyễn Văn H2 và thế chấp căn nhà này cho ông H2. Sau đó, ông H2 kiện vợ chồng bà D ra Toà án Quận 8 và 2 bên có thoả thuận vợ chồng bà D trả lại cho ông H2 số tiền tổng cộng là 2,5 tỷ đồng để chuộc lại nhà nhưng sau đó vợ chồng bà D không có tiền trả cho ông H2. Năm 2021, ông Nguyễn Trọng N có yêu cầu bà D bán cái nhà này lại cho ông N với giá 8,5 tỷ đồng, ông N sẽ có trách nhiệm chuộc nhà lại và trả cho bà D 5 tỷ đồng. Bà D đồng ý và có làm giấy tay cho ông N (giấy tay ngày 15/12/2021). Thời điểm này bà D không biết ai đang đứng tên trên giấy tờ căn nhà trên. Ông N cam kết sẽ dùng căn nhà này vay tiền Ngân hàng để trả tiền cho bà Dvà sẽ cho mẹ con bà Dở lại trong căn nhà 06 tháng sau khi nhận đủ 5 tỷ đồng. Sau khi viết giấy thoả thuận thì ông N làm gì chúng tôi hoàn toàn không biết. Bà D có nghe ông N nói sẽ dùng căn nhà này vay tiền Ngân hàng nhưng vay lúc nào và vay số tiền bao nhiêu thì ông N không nói cho bà D biết.

Hiện nay, chúng tôi cũng đồng ý giao căn nhà này cho Ngân hàng xử lý theo Hợp đồng thế chấp nhưng ông N phải trả lại cho bà D số tiền 5.000.000.000 đồng theo đúng cam kết trong giấy tay Hợp đồng mua bán nhà ngày 15/12/2021 giữa bà D với ông N. Ông N phải trả tiền thì chúng tôi mới giao nhà cho Ngân hàng xử lý.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Tuấn M, ông Nguyễn Tấn C1, bà Nguyễn Thùy N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Nguyễn Hồng D, bà Cao Ngọc Minh C, bà Cao Ngọc Minh K, bà Cao Ngọc Minh T1, bà Cao Ngọc T3 Anh có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng tín dụng và nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu trả nợ và phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Tuấn M, ông Nguyễn Tấn C1, bà Nguyễn Thùy N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Nguyễn Hồng D, bà Cao Ngọc Minh C, bà Cao Ngọc Minh K, bà Cao Ngọc Minh T1, bà Cao Ngọc T3 Anh có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giữa Ngân hàng TMCP Q (V1) và ông Nguyễn Trọng N có ký các Hợp đồng tín dụng: số 08997888.20 ngày 24/12/2020, số 9790884.21 ngày 24/12/2020, số 5684105.21 ngày 24/12/2020. Thực hiện theo hợp đồng V1 đã giải ngân cho ông N số tiền vay 3.900.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 08997888.20 ngày 24/12/2020, giải ngân 600.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 9790884.21 ngày 24/12/2020, giải ngân 500.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 5684105.21 ngày 24/12/2020. Xét Hợp đồng tín dụng đã ký giữa VIB với ông Nghĩa l đúng quy định nên phát sinh hiệu lực. Ông N đã nhận được số tiền vay theo hợp đồng nên có trách nhiệm trả tiền vay theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng trên.

[3] Theo trình bày của V1 trong quá trình tố tụng và tại phiên toà thì ông N hiện còn nợ VIB số tiền đối với từng Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 08997888.20 ngày 24/12/2020: nợ gốc 3.888.920.068 đồng, lãi trong hạn 181.100.962 đồng, lãi phạt 1.491.465.721 đồng. Tổng 5.561.486.751 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 9790884.21 ngày 24/12/2020: Nợ gốc 593.750.000 đồng, lãi trong hạ 32.121.147 đồng, lãi phạt 251.237.578 đồng. Tổng 877.108.725 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 5684105.21 ngày 24/12/2020: Nợ gốc 453.503.246 đồng, lãi trong hạn 27.139.447 đồng, lãi phạt 195.717.294 đồng. Tổng 676.359.987 đồng.

Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến và chứng cứ phản bác đối với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng và trách nhiệm trả nợ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/8/2023 là 7.114.855,462 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 4.936.173.314 đồng, nợ lãi trong hạn 240.361.556 đồng, lãi phạt 1.938.420.593 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp số 3773555.21.619 ngày 13/01/2021 giữa ông N và V1 thì để bảo đảm cho khoản vay của ông N đối với V1, ông N thế chấp cho VIB nhà và đất tại số G P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông N. Tài sản này có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng lại từ bà Nguyễn Thị Trà M1 và đã được

cập nhật tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Trọng N vào ngày 08/01/2021. Trong quá trình tốtụng, ông N, ông M và bà D có lời khai về việc có thỏa thuận giữa ông N với ông M, bà D về việc ông M và bà D đồng ý bán nhà, đất này cho ông N với giá 8.500.000.000 đồng. Thời điểm thỏa thuận là tháng 01/2021, tuy nhiên thời điểm này nhà và đất đang đứng tên bà Trà M1, bà Trà M1 mới là người chuyển nhượng cho ông N. Ông N dùng tài sản này thế chấp vay tiền Ngân hàng V1 thì ông M và bà D đều biết. Do vậy, những thỏa thuận giữa ông M, bà D với ông N liên quan đến tài sản này không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng thế chấp số 3773555.21.619 ngày 13/01/2021 giữa ông N và V1. Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa những người có thẩm quyền, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Do vậy, hiện nay VIB yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Trong quá trình tố tụng, bà Châu Nguyễn Hồng D có trình bày về quan hệ giao dịch, thỏa thuận giữa ông M, bà D với ông N liên quan tới căn nhà 769/22/16 Phạm Thế H1, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và cho rằng ông N còn nợ bà D số tiền 5.000.000.000 đồng từ việc nhận chuyển nhượng căn nhà này; bà D có yêu cầu ông N trả số tiền này. Tuy nhiên, yêu cầu này của bà nêu ra sau khi Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên căn cứ Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự không có căn cứ để xem xét thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà D trong vụ án này. Do đó, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền này bằng vụ án khác.

[6] Đối với khoản vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 3469288.19 ngày 19/7/2019 nguyên đơn xác định ông N đã trả xong nên không yêu cầu đối với khoản vay này, vì vậy căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Trọng N phải chịu và có trách nhiệm thanh toán lại cho VIB do VIB đã nộp tạm ứng tại Toà án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho VIB theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa chữa, bổ sung năm 2017; các Điều 299, 320 và 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 201, 144, 147, 157, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) đối với khoản vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 3469288.19 ngày 19/7/2019.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) đối với ông Nguyễn Trọng N.

Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) số tiền còn nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng: số 08997888.20 ngày 24/12/2020, số 9790884.21 ngày 24/12/2020, số 5684105.21 ngày 24/12/2020, tạm tính đến ngày 03/8/2023 là 7.114.855,462 (bảy tỷ một trăm mười bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 4.936.173.314 (bốn tỷchín trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười bốn) đồng, nợ lãi trong hạn 240.360.556 (hai trăm bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng, lãi phạt 1.938.420.593 (một tỷ chín trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi ba) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 04/8/2023 cho đến khi ông Nguyễn Trọng N trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng: số 08997888.20 ngày 24/12/2020, số 9790884.21 ngày 24/12/2020, số 5684105.21 ngày 24/12/2020.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng N không có khả năng thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất có diện tích 111m^2 (đất ở) thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 34 và căn nhà trên đất có tổng diện tích xây dựng 99,44m^2, kết cấu: tường gạch, sàn gỗ, mái tôn (03 tầng + tầng lửng + sân thượng) tọa lạc tại số G P, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 3773555.21.619 ngày 13/01/2021.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Trọng N phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng và có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 115.115.000 (một trăm mười lăm triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) 56.859.000 (năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ti ền số

0003221 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS TP. Dĩ An (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh